TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2025/DS-ST Ngày 09/9/2025 V/v "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hòe và ông Hồ Văn Hữu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Văn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2024/TLST – DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2025/QĐST-DS ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh Á - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh H1.

Địa chỉ: Khối T, phường H, Nghệ An.

Người được ông Đặng Minh Á ủy quyền lại: Ông Phạm Đức H, Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng, Ngân hàng N, chi nhánh H1 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khối T, phường H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản hoà giải và trong quá trình giải

quyết vụ án người đại theo ủy quyền của Ngân hàng N ông Phạm Đức H trình bày:

Căn cứ Hồ sơ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn của Ông Lê Xuân T và Bà Nguyễn Thị L; số tiền xin vay 800.000.000 đồng (T1 trăm triệu đồng); mục đích xin vay "Mua lươi chụp, lưới sưa, bóng đèn đánh cá". Theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201904436 ngày 20/08/2019, thời hạn cho vay 36 tháng, định kỳ trả nợ 12 tháng/lần, K trả nợ thứ nhất ngày 20/08/2020 số tiền trả gốc 50.000.000 đồng, K trả nợ thứ hai ngày 20/08/2021 số tiền 100.000.000 đồng, K trả nợ cuối cùng ngày 20/08/2022 số tiền 650.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 923, tờ bản đồ số 128-79 có diện tích 405 m2 tại Thôn Q, xã Q, thị xã H, (nay là khối T, phường T), tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu ông Lê Xuân T. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 391841 do UBND thị xã H cấp ngày 07/11/2016 mang tên Lê Xuân T.

- Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160 ngày 15/08/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160A ngày 20/08/2019. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H ngày 15/08/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L đã trả cho ngân hàng được số tiền gốc là 433.000.000đ và tiền lãi suất là 319.225.083 đồng. Sau đó đến hạn trả nợ ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L không trả tiền cho ngân hàng.

Tính đến hết ngày 09/09/2025, khoản vay của Ông Lê Xuân T và Bà Nguyễn Thị L đã quá hạn 346 ngày. Tổng dư nợ phải thanh toán tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng N là: 433.042.308đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm linh tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 367.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 45.098.685 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 20.133.623 đồng

Ngân hàng N đã nhiều lần làm việc trực tiếp và/hoặc có văn bản yêu cầu ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng sô 3624-LAV-201904436 ngày 20/08/2019, yêu cầu ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160 ngày 15/08/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160A ngày 20/08/2019. Tuy nhiên, tính đến nay, ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L vẫn

không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng N, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trước pháp luật, Ngân hàng quyết định khởi kiện ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L ra Tòa án để thu hồi nợ.

Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn trong vụ án:

1. T2 buộc Ông Lê Xuân T và Bà Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 09/09/2025 là: 433.042.308đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm linh tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 367.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 45.098.685 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 20.133.623 đồng

Ông Lê Xuân T, bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201904436 ngày 20/08/2019 cho đến ngày thanh toán hết khoản vay cho Ngân hàng N.

3. T2 nếu Ông Lê Xuân T và Bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Ông Lê Xuân T và Bà Nguyễn Thị L là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 923, tờ bản đồ số 128-79 có diện tích 405 m2 tại Thôn Q, xã Q, thị xã H, (nay là khối T, phường T), tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu ông Lê Xuân T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160 ngày 15/08/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160A ngày 20/08/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

4. T2 nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đề nghị Toà án buộc ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Toà án buộc ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai biên bản hoà giải ông Lê Xuân T trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông là Lê Xuân T và Nguyễn Thị L có ký Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201904436 ngày 20/08/2019 với Ngân hàng N. Toàn bộ nội dung hợp đồng về số tiền vốn vay, mục đích, thời hạn, lãi suất vay và các tài sản đảm bảo, các hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện ngân hàng đã trình bày trên là đúng. Toàn bộ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là do vợ chồng ông, bà tự nguyện ký kết với ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay ông bà đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc 433.000.000 và tiền lãi suất là 319.225.083 đồng. Sau đó đến hạn trả nợ nhưng điều kiện gia đình khó khăn, vợ chồng không có công việc, thu nhập ổn định nên không có khả năng trả tiền nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông, bà trả số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/9/2025 là: 433.042.308đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm linh tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 367.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 45.098.685 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 20.133.623 đồng.

Ông Lê Xuân T thống nhất trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông trả dần vì số tiền nợ quá lớn, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, các con nhỏ đang tuổi ăn học. Nếu vợ chồng ông không trả được nợ thì ông cũng thống nhất đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, nhưng đề nghị Ngân hàng chưa xử lý tài sản thế chấp để vợ chồng ông làm ăn trả nợ. Bà L cũng đã biết nội dung ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Toà án nhưng không về được. Hiện nay, bà Nguyễn Thị L đang đi lao động tại Đ, Đài Loan cũng thường liên lạc với gia đình nhưng không cho ai biết địa chỉ cụ thể hiện nay bà L đang ở, làm việc gì, địa chỉ nào tại Đài Loan.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đều vắng mặt do đang đi lao động tại Đ, Đài Loan, do đó Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát khu vực 4 – Nghệ An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Đại diện Nguyên đơn, bị đơn ông Lê Xuân T đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của

mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị L không chấp hành đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong suốt quá trình giải quyết và tại thời điểm xét xử.

Tại phiên toà bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, đại diện nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn bà L và ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát khu vực 4 - Nghệ An về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39: các Điều 147; 157; 158, 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 117, 122, 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 428; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị 2018 định số 163; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 và phát tiển nông thôn Việt Nam. Buộc Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201904436 ngày 20/8/2019 cho Ngân hàng N đến ngày xét xử 09/9/2025, tổng số tiền gốc và lãi suất 433.042.308đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm linh tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 367.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 45.908.685 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 20.133.623 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trong trường hợp ông T và bà L không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160 ngày 15/08/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160A ngày 20/08/2019. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T và bà L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả

nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm sau khi thanh toán nghĩa vụ bảo đảm còn thừa thì phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T và bà L.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông T, bà L phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng N chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Ông T, bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Hiện nay bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T có nơi cư trú tại khối T, phường T, tỉnh Nghệ An, vì vậy theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngân hàng N yêu cầu bà L và ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng các khoản vay cụ thể:

Vào ngày 20/8/2019 Ngân hàng N có cho ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay "Mua lưới chụp lưới sưa, bóng đèn đánh cá", thời hạn cho vay 36 tháng, định

kỳ trả nợ 12 tháng/lần, K trả nợ thứ nhất ngày 20/08/2020 số tiền trả gốc 50.000.000 đồng, K trả nợ thứ hai ngày 20/08/2021 số tiền 100.000.000 đồng, K trả nợ cuối cùng ngày 20/08/2022 số tiền 650.000.000 đồng. Lãi suất tại thời điểm vay là 11%/năm.

Qua các chứng cứ thu thập được cho thấy: Vào ngày 20/8/2019 bà Nguyễn Thị L, ông Lê Xuân T có đứng tên vay vốn nợ tại Ngân hàng N cụ thể khoản vay như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201904436 ngày 20/8/2019, vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay "Mua lưới chụp lưới sưa, bóng đèn đánh cá", thời hạn cho vay 36 tháng, định kỳ trả nợ 12 tháng/lần, K trả nợ thứ nhất ngày 20/08/2020 số tiền trả gốc 50.000.000 đồng, K trả nợ thứ hai ngày 20/08/2021 số tiền 100.000.000 đồng, K trả nợ cuối cùng ngày 20/08/2022 số tiền 650.000.000 đồng.

Hợp đồng đã đầy đủ về mặt hình thức, nội dung. Hợp đồng ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật.

Từ khi vay, bà L và ông T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc 433.000.000 và tiền lãi suất là 319.225.083 đồng.

Sau đó bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Lê Xuân T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu bà L và ông T phải trả toàn bộ số tiền lãi suất còn nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L và ông T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn cho ngân hàng, chi phí phát sinh cho đến khi bà L và ông T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, cụ thể: Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 09/09/2025 là 433.042.308đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm linh tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 367.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 45.908.685 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 20.133.623 đồng.

Nếu ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị L không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N sẽ được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật..

[2.2] Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận nên bà L và ông T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ngân hàng đã tạm ứng nên ông bà phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

[3.2] Về án phí: Ngoài ra, bà L và ông T còn phải chịu 21.322.000đ (Hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi hai ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Xuân T có làm đơn trình bày điều kiện khó khăn, xin được miễn giảm án phí. Tuy nhiên hiện nay bà L đang đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan có điều kiện để chịu án phí. Ngoài ra tại đơn xin miễn giảm án phí của ông Lê Xuân T chính quyền địa phương không xác nhận. Do đó không có căn cứ để xem xét miễn giảm án phí cho ông T, bà L.

Ngân hàng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39: các Điều 147; 157; 158, 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 117, 122, 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 428; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị 2018 định số 163; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T phải liên đới có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi phạt gốc quá hạn tạm tính đến hết ngày 09/09/2025 là 433.042.308đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm linh tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 367.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 45.908.685 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 20.133.623 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/9/2025 bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong: Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201904436 ngày 20/8/2019.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà bà L, ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng. Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ lãi này.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng thửa đất số 923 tờ bản đồ 128-79 đất có diện tích 405 m² tại Thôn Q, xã Q, thị xã H, (nay là khối T, phường T), tỉnh Nghệ An đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CD 391841 mang tên Lê Xuân T (nay là thửa đất số 130 tờ bản đồ số 28 có diện tích 534,4m^2). Lý do có sự sai lệch diện tích là do sai số trong quá trình đo đạc. Đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 37160 ngày 15/8/2018 được đăng ký ngày 15/8/2018 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thị xã H1; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37160A ngày 20/08/2019 và các tài sản gắn liền với đất trước và sau khi thế chấp.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng N. Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm sau khi thanh toán nghĩa vụ bảo đảm còn thừa thì phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T

Về chi phí tố tụng và án phí: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng N đã nạp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bà L, ông T phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T phải chịu 21.322.000đ (Hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Phần cụ thể ông T, bà L mỗi người phải nạp 10.661.000đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N số tiền 10.593.000đ (Mười triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004301 ngày

27/12/2024 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Huy